

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Sắc đỏ lan rộng, VN-Index kiểm định vùng hỗ trợ trong ngắn hạn

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

• Bối cảnh toàn cầu:

- Lợi suất của trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục tăng mạnh ở những tuần qua, đi ngược lại với hầu hết những giai đoạn nới lỏng chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) trong lịch sử. Theo đó, các nhà giao dịch đang phải đánh giá lại lộ trình hạ lãi suất của Fed sau khi hàng loạt chỉ số kinh tế của quốc gia này bất ngờ tốt hơn kỳ vọng trong tháng 8 và tháng 9, và qua đó chuẩn bị cho môi trường lãi suất cao và kéo dài.
- Bối cảnh địa chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp cùng với một tuần giao dịch không quá nhiều thông tin cũng như chỉ báo kinh tế được công bố tại các nền kinh tế lớn đã vô hình trung làm hạ nhiệt đà tăng của các thị trường chứng khoán. Trong đó, sắc đỏ bao phủ phần lớn các thị trường trọng điểm ngoại trừ Trung Quốc, Pakistan và Sri Lanka.

• Trong nước:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục phát hành tín phiếu với hai kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày cùng với việc điều tiết thanh khoản thông qua phát hành hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với kỳ hạn 7 ngày trong bối cảnh tỷ giá tiếp tục tăng nóng ở tuần qua. Do đó, NHNN đã tiếp tục can thiệp bằng việc bán USD thông qua hợp đồng giao ngay với giá bán can thiệp tại 25.450.

• Thị trường chứng khoán Việt Nam:

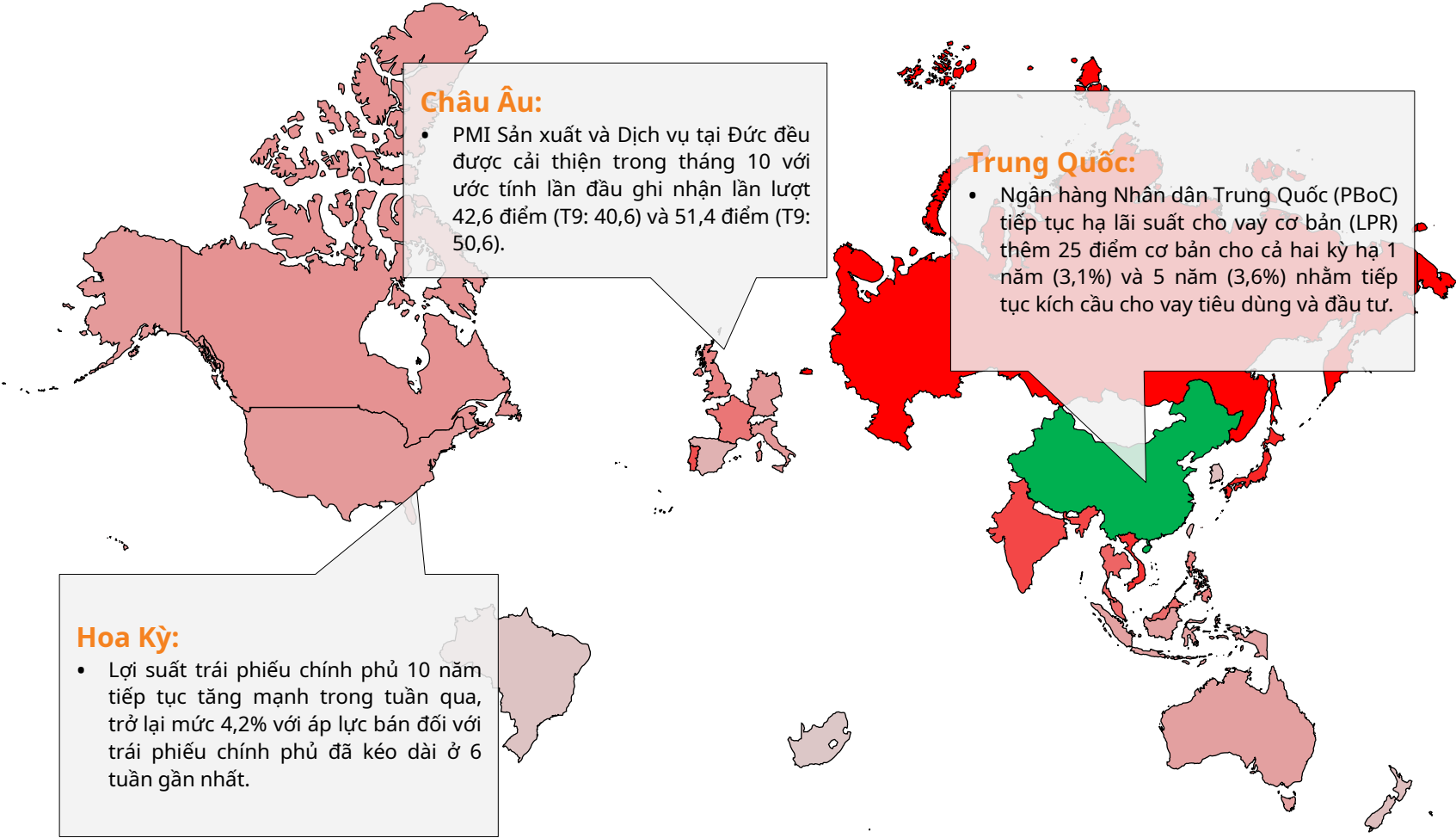
- **VN-Index giảm hơn 32 điểm và đóng cửa tại 1.252,72 (-2,25% WoW) với lực bán lan rộng đến hơn 2/3 số cổ phiếu niêm yết sàn HOSE.**
- Phần lớn áp lực giảm điểm được hình thành trong hai ngày giao dịch 24/10 và 25/10 khi áp lực chốt lời đã hình thành tại một số cổ phiếu Ngân hàng cùng với một số cổ phiếu vốn hóa lớn khác. Điểm sáng có lẽ đến từ động thái mua ròng 1,41 nghìn tỷ của nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước; riêng Tự doanh mua vào 680 tỷ đồng.
- **Triển vọng:** Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ duy trì ổn định tại vùng hỗ trợ 1.250 điểm sau khi lực bán đã dần có dấu hiệu chậm lại vào phiên ngày 25/10. Tuy nhiên, thận trọng sẽ là điều cần phải lưu ý trong ít nhất từ 2 đến 3 phiên giao dịch tiếp theo khi áp lực bán tăng đột ngột có thể khiến VN-Index tiếp tục giảm và kiểm định vùng hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 điểm.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- Tăng trưởng GDP, lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực Châu Âu.
- Sản lượng công nghiệp, doanh số bán lẻ và thị trường lao động tại Nhật Bản.
- Thị trường lao động tại Mỹ và đánh giá rủi ro hạ lãi suất nhanh hơn dự kiến của Fed.

1 Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1.252,72	-2,55%
Mỹ	SPX	5.808,12	-0,96%
Canada	TSX	24.551,55	-1,09%
Nhật	NKY	37.913,92	-2,74%
Trung Quốc	SHCOMP	3.299,70	1,17%
Hồng Kông	Hang Seng	20.590,15	-1,03%
Đài Loan	TWSE	23.348,45	-0,59%
Hàn Quốc	KOSPI	2.583,27	-0,41%
Ấn Độ	SENSEX	79.402,29	-2,24%
Indonesia	JCI	7.694,66	-0,84%
Thái Lan	SET	1.463,42	-1,77%
Singapore	STI	3.593,41	-1,29%
Malaysia	FBMKLCI	1.618,30	-1,68%
Philippines	PSEi	7.314,23	-1,37%
UK	FTSE 100	8.248,84	-1,31%
Pháp	CAC 40	7.497,54	-1,52%
Đức	DAX	19.463,59	-0,99%
Ý	IT 40	34.852,27	-1,00%
Tây Ban Nha	ES35	11.854,60	-0,59%
Bồ Đào Nha	PSI 20	6.531,44	-2,13%
Nga	MOEX	2.660,36	-3,33%
Úc	ASX 200	8.211,29	-0,87%
New Zealand	NZX 50	12.771,61	-0,41%
Brazil	BOVESPA	130.066,95	-0,33%
CH Nam Phi	SA40	78.934,18	-0,28%
Pakistan	KSE 100	90.378,80	5,94%
Sri Lanka	Colombo	12.517,58	1,66%



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Kim loại	Vàng	USD/ozt	2.754,60	0,2%	0,9%	3,2%	32,3%	37,8%	53,1%
	Bạc	USD/ozt	33,78	-0,1%	1,6%	6,2%	40,2%	47,6%	39,6%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	715,00	0,7%	2,1%	-7,0%	-28,1%	-25,2%	-53,5%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	104,23	-0,16%	-1,1%	12,1%	-23,6%	-12,1%	-14,8%
	Đồng	USD/Lbs	4,37	0,5%	-0,3%	-5,0%	12,3%	19,9%	-0,4%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	1.036,70	0,3%	1,2%	1,4%	2,7%	14,5%	1,7%
	Paladi	USD/ozt	1.202,70	3,3%	10,9%	17,5%	8,4%	6,4%	-38,4%
	Nhôm	USD/tấn	2.675,00	1,3%	2,3%	1,1%	12,2%	20,5%	-0,4%
	Kẽm	USD/tấn	3.107,00	-2,4%	0,5%	0,6%	16,9%	25,7%	-6,8%
	Ni-ken	USD/tấn	16.143,00	-0,9%	-4,9%	-5,0%	-2,8%	-12,1%	-16,8%
Năng lượng	Dầu Thô WTI	USD/thùng	71,35	2,2%	3,9%	5,4%	-0,7%	-15,8%	-12,4%
	Dầu Brent	USD/thùng	76,05	2,3%	4,1%	6,3%	-1,3%	-16,0%	-10,1%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	2,56	1,6%	13,4%	-11,8%	10,0%	-26,5%	-58,7%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,24	1,8%	4,0%	4,9%	-12,3%	-26,7%	-11,0%
Thực phẩm	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 giạ	569,00	-2,2%	-0,7%	-1,9%	-9,4%	-1,1%	-25,1%
	Thóc	USD/CWT	15,08	0,3%	0,5%	0,0%	-13,9%	-7,0%	11,2%
	Yến mạch	USD/100 giạ	380,25	0,9%	-0,6%	-1,2%	-1,4%	-5,5%	-46,5%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 giạ	415,75	-1,3%	2,7%	-0,5%	-11,8%	-13,5%	-25,4%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 giạ	987,75	-0,9%	1,8%	-7,3%	-23,6%	-23,9%	-20,3%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	44,15	-0,4%	5,6%	4,2%	-8,4%	-14,4%	-27,9%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	305,80	-1,5%	-3,1%	-11,1%	-20,8%	-28,3%	-7,1%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	6.788,00	0,5%	-8,7%	-18,0%	61,8%	76,2%	160,8%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	248,40	1,2%	-3,5%	-7,7%	31,9%	54,3%	21,7%
	Cà phê London	USD/tấn	4.415,00	1,7%	-6,1%	-19,6%	44,9%	72,9%	101,0%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	22,14	-0,3%	-0,2%	-2,2%	7,6%	-19,0%	12,4%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	525,85	3,7%	9,6%	11,8%	64,2%	30,8%	329,6%
	Bê	USD/100 Lbs	189,70	0,2%	1,1%	3,2%	9,2%	3,1%	49,1%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	79,68	1,3%	2,4%	-2,9%	17,2%	13,1%	10,7%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	249,63	0,4%	0,8%	1,6%	11,9%	5,9%	59,5%
	Gỗ	USD/MBF	531,50	0,4%	0,7%	-0,6%	-2,3%	8,1%	-15,6%
Khác	Cao su (TSR20)	USD/kg	194,50	-0,8%	-2,1%	6,8%	24,6%	31,4%	11,7%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	70,66	-1,2%	-0,5%	-3,9%	-12,8%	-16,3%	-36,1%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 25/10/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu	
	<div>TÍCH CỰC</div> <div>TIÊU CỰC</div>
Mỹ	<div><ul style="list-style-type: none">PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Mỹ bất ngờ cải thiện và đạt lần lượt 47,8 điểm (T9: 47,3) và 55,3 điểm (T9: 55,2). Dù vậy, các hoạt động sản xuất tại Mỹ đã tiếp tục bị thu hẹp ở 4 tháng liên tiếp khi chịu sức ép từ sụt giảm số lượng đơn hàng mới cùng với hoạt động sản xuất nói chung và tình hình lao động cũng chịu ảnh hưởng bởi tác động của các sự kiện về thời tiết gây ra cho chuỗi cung ứng.</div> <div><ul style="list-style-type: none">Lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm tiếp tục tăng mạnh trong tuần qua, trở lại mức 4,2% với áp lực bán đối với trái phiếu chính phủ đã kéo dài ở 6 tuần gần nhất.<ul style="list-style-type: none">Có thể thấy, đây là một trường hợp ngoại lệ hiếm hoi trong lịch sử khi lợi suất trái phiếu đã liên tục tăng kể từ khi Fed đưa ra quyết định hạ lãi suất lên đến 50 điểm cơ bản vào ngày 18/09 vừa qua.Qua đó, nhà đầu tư đang dần đánh giá lại lộ trình giảm lãi suất của Fed khi các chỉ số kinh tế đang trở nên tốt hơn so với giai đoạn tháng 8 và tháng 9 cũng như chuẩn bị cho môi trường lãi suất cao và kéo dài hơn dự kiến.</div>
	<div>Đánh giá: Tín hiệu tích cực của PMI được cân bằng bởi đà tăng của lợi suất trái phiếu trong thời gian qua. Do đó, chúng tôi cho rằng sẽ có thêm nhiều tín hiệu nhiễu trong hai tuần tiếp theo khi Hoa Kỳ liên tiếp ghi nhận hai sự kiện quan trọng bao gồm Cuộc bầu cử Tổng thống vào ngày 5/11 và Quyết định lãi suất của Fed vào ngày 7/11.</div>
Châu Âu	<div><ul style="list-style-type: none">PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Đức đều được cải thiện trong tháng 10 với ước tính lần đầu ghi nhận lần lượt 42,6 điểm (T9: 40,6) và 51,4 điểm (T9: 50,6). Tương tự, PMI Sản xuất của khu vực đồng Euro (EA) cũng được cải thiện và đạt 49,7 điểm (T9: 49,6 điểm) trong khi PMI Dịch vụ giảm nhẹ từ 51,4 về 51,2 điểm.</div> <div><ul style="list-style-type: none">Chỉ số giá sản xuất PPI tại Đức tiếp tục ghi nhận tình trạng giảm phát tại -1,4% YoY và -0,5% MoM trong tháng 9, sau khi ghi nhận tăng trưởng âm -0,8% YoY vào tháng 8 và đồng thời đánh dấu tình trạng giảm phát đối với chi phí sản xuất kéo dài 15 tháng liên tiếp. Động lực chủ yếu được cấu thành bởi sự sụt giảm trong giá các sản phẩm xăng dầu (-16,1%), khí tự nhiên (-10,4%) và điện (-9,5%). Do đó, nếu loại bỏ các cấu phần liên quan đến năng lượng thì PPI tăng 1,2% YoY với động lực chính đến từ mức tăng 2,1% đến từ chi phí cho máy móc.PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Vương Quốc Anh tiếp tục thu hẹp ở tháng thứ 2 liên tiếp và ghi nhận lần lượt 50,3 điểm (T9: 51,5) và 51,9 điểm (T9: 52,4).</div>
	<div>Đánh giá: Sau hai đợt cắt lãi suất liên tiếp của ECB, chúng tôi kỳ vọng các hoạt động sản xuất và tiêu dùng sẽ có những điểm sáng và khởi sắc đầu tiên. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách tiền tệ sẽ cần thời gian tương đối dài để thẩm thấu và cần phải tiếp tục theo dõi trong thời gian tới.</div>

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu		
	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none">Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) tiếp tục hạ lãi suất cho vay cơ bản (LPR) thêm 25 điểm cơ bản cho cả hai kỳ hạ 1 năm (3,1%) và 5 năm (3,6%) nhằm tiếp tục kích cầu cho vay tiêu dùng và đầu tư. Trong đó, lần gần nhất mà PBoC hạ lãi suất là vào tháng 7 với động thái lần này đã đưa lãi suất nền về mức thấp mới trong lịch sử.<ul style="list-style-type: none">Lãi suất cho vay đối với kỳ hạn 1 năm thường được dùng làm lãi suất tham chiếu cho hầu hết các khoản vay đối với hộ gia đình và doanh nghiệp trong khi lãi suất áp dụng cho kỳ hạn 5 năm được dùng làm tham chiếu cho các khoản vay liên quan đến bất động sản.Thống đốc Pan Gongsheng đồng thời đưa ra ẩn ý rằng PBoC rất có thể sẽ tiếp tục cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) đối với các ngân hàng thương mại trong quý IV năm nay; động thái tương tự với những gì PBoC từng làm trong tháng 9.Dòng vốn FDI đã có sự cải thiện trong tháng 9 khi thu hẹp mức tăng trưởng âm -31,5% của tháng 8 về -30,4% YoY (YTD). Theo đó, tổng nguồn vốn FDI vào thị trường Trung Quốc đạt 640,6 tỷ NDT trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9 của năm 2024.	<ul style="list-style-type: none">N/A
	Đánh giá: Triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng sẽ đạt được mục tiêu 5% đối với năm 2024 khi các chính sách kích cầu thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa dần thẩm thấu vào nền kinh tế. Tuy nhiên, thách thức đối với Trung Quốc sẽ là triển vọng của năm 2025 khi các động lực tăng trưởng và mức độ hiệu quả của chính sách kích cầu vẫn còn là một ẩn số.	
Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none">CPI tại khu vực Tokyo tiếp tục hạ nhiệt về 1,8% YoY trong tháng 10 (T9: 2,2%) cùng với CPI cơ bản đồng thời hạ nhiệt về 1,8% YoY.	<ul style="list-style-type: none">Các hoạt động sản xuất tại Nhật Bản tiếp tục thu hẹp ở tháng thứ 4 liên tiếp sau khi ghi nhận PMI chỉ đạt 49 điểm trong tháng 10 với lượng hàng sản xuất cùng với đơn hàng đặt mới đều giảm về mức thấp nhất trong 6 tháng qua cùng với việc số lượng đơn hàng xuất khẩu suy yếu.PMI Dịch vụ giảm mạnh về 49,3 điểm trong tháng 10 từ mức 53,1 điểm của tháng 9.
	Đánh giá: Lạm phát đang dần hạ nhiệt đối với Nhật Bản trong khi các hoạt động sản xuất và dịch vụ đang có những vết nứt đầu tiên cho thấy sự suy yếu trong các hoạt động kinh tế trong thời gian tới. Qua đó, tạm thời suy giảm rủi ro tăng trưởng nóng của Nhật Bản để Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) phải tăng lãi suất trong thời gian tới.	

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới				
Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
29/10/2024				
6:30 AM	JP	Tỷ lệ thất nghiệp (T9)	2,50%	2,50%
9:00 PM	US	Số lượng cơ hội việc làm đang tuyển theo JOLTS (T9)	8,04M	7,92M
30/10/2024				
3:55 PM	DE	Tỷ lệ thất nghiệp (T10)	6,0%	6,1%
4:00 PM	DE	Tăng trưởng GDP QoQ (Q3)	-0,1%	-0,1%
	DE	Tăng trưởng GDP YoY (Q3)	0,0%	-0,3%
5:00 PM	EA	Tăng trưởng GDP QoQ (Q3)	0,2%	0,2%
	EA	Tăng trưởng GDP YoY (Q3)	0,6%	0,8%
7:15 PM	US	Thay đổi số lượng việc làm theo ADP	143K	110K
7:30 PM	US	Tăng trưởng GDP QoQ (Q3)	3,0%	3,0%
	US	Tăng trưởng chi tiêu thực của người tiêu dùng QoQ (Q3)	2,8%	3,0%
8:00 PM	DE	CPI YoY (T10)	1,6%	1,8%
31/10/2024				
	KR	Doanh số bán lẻ MoM (T9)	1,7%	0,5%
6:50 AM	JP	Sản lượng công nghiệp MoM (T9)	-3,3%	1,0%
	JP	Sản lượng công nghiệp YoY (T9)	-4,9%	-5,0%
	JP	Doanh số bán lẻ YoY (T9)	2,8%	2,3%
7:30 AM	AU	Doanh số bán lẻ MoM (T9)	0,7%	0,3%
8:30 AM	CN	PMI Sản xuất - NBS (T10)	49,8	50,1
	CN	PMI Phi sản xuất - NBS (T10)	50,0	50,5
10:00 AM	JP	Quyết định lãi suất của BoJ	0,25%	0,25%
2:00 PM	DE	Doanh số bán lẻ MoM (T9)	1,6%	-0,5%
	DE	Doanh số bán lẻ YoY (T9)	2,1%	3,2%
5:00 PM	EA	CPI YoY (T10)	1,7%	1,9%
	EA	CPI cơ bản YoY (T10)	2,7%	2,7%
	EA	Tỷ lệ thất nghiệp (T9)	6,4%	6,4%
7:30 PM	US	Chỉ số giá tiêu dùng PCE YoY (T9)	2,2%	2,1%
	US	PCE cơ bản YoY (T9)	2,7%	2,7%
	US	PCE cơ bản MoM (T9)	0,1%	0,2%
1/11/2024				
7:30 AM	KR	PMI Sản xuất - S&P Global (T10)	48,3	49,5
8:45 AM	CN	PMI Sản xuất - Caixin (T10)	49,3	49,5
7:30 PM	US	Số lượng việc làm phi nông nghiệp NFP (T10)	254K	140K
	US	Số lượng việc làm phi nông nghiệp NFP - Tư nhân (T10)	223K	115K
	US	Tỷ lệ thất nghiệp (T10)	4,1%	4,1%
9:00 PM	US	PMI Sản xuất - ISM (T10)	47,2	47,6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

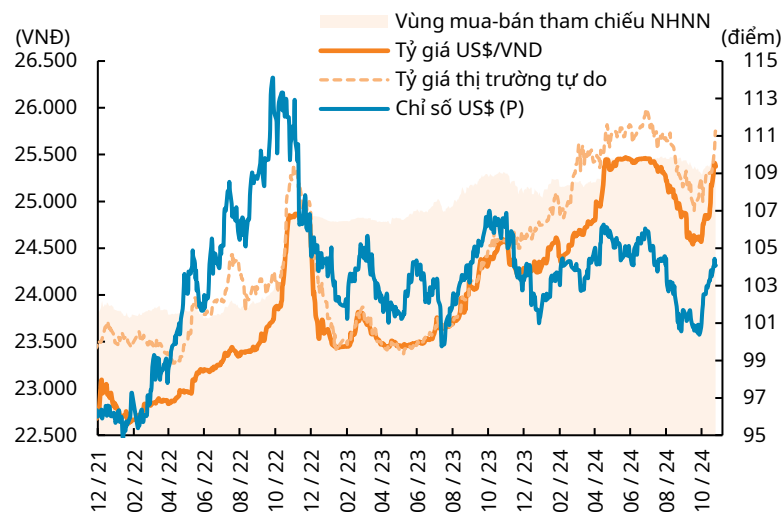
- Tăng trưởng GDP, lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực Châu Âu.
- Sản lượng công nghiệp, doanh số bán lẻ và thị trường lao động tại Nhật Bản để đánh giá về triển vọng tăng lãi suất trong tương lai.
- Thị trường lao động tại Mỹ và đánh giá rủi ro hạ lãi suất nhanh hơn dự kiến của Fed.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

NHNN đưa ra hành động dứt khoát nhằm kiềm hãm đà tăng của tỷ giá

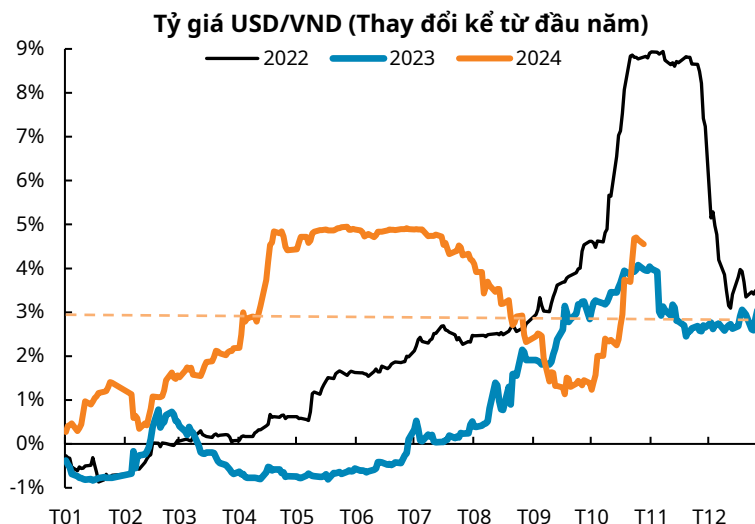
- Trong tuần qua, **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)** tiếp tục phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt **54.650 tỷ đồng** trên hai kỳ hạn 14 ngày (lãi suất dao động từ 3,6% đến 3,74%) và 28 ngày (lãi suất 4%). Bên cạnh đó, NHNN cũng đã trở lại cung cấp thanh khoản cho hệ thống thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt hơn 13 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%.
- Theo đó, nền lãi suất trên kênh liên ngân hàng sau khi duy trì ở vùng thấp trong thời gian qua thì nay đã tăng trở lại. Lãi suất qua đêm hiện đang dao động quanh vùng 3,7% theo OMO.
- Tính đến ngày 25/10, tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận 25.467, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm tiếp tục tăng lên 4,3% và có phần hạ nhiệt so với giai đoạn giữa tuần trước.
 - Trái phiếu chính phủ trên toàn cầu hiện đang chịu áp lực bán mạnh khi nhà đầu tư trở nên cẩn trọng trước môi trường lãi suất cao kéo dài khi Fed có thể sẽ không hạ lãi suất mạnh như kỳ vọng ban đầu. Qua đó, nâng cao nhu cầu nắm giữ đối với đồng đô la Mỹ và đẩy nhanh quá trình mất giá của VNĐ trong một thời gian ngắn.
 - NHNN đã nhanh chóng can thiệp thông qua phát hành tín phiếu, điều tiết thanh khoản, nâng nền lãi suất liên ngân hàng cũng như kết hợp bán USD thông qua hợp đồng giao ngay từ nguồn dự trữ ngoại hối với giá bán can thiệp tại 25.450 kể từ ngày 24/10. Qua đó, kết hợp với động thái cắt lãi suất của Fed dự kiến vào ngày 7/11 (kỳ vọng giảm thêm 25 điểm cơ bản) sẽ là các động lực phù hợp để hạ nhiệt tỷ giá trong thời gian tới.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



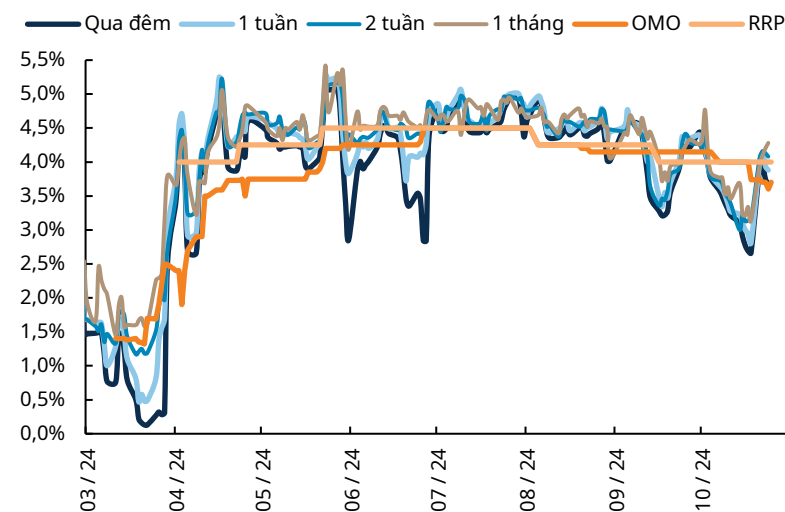
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 25/10/2024

Tỷ giá bất tăng trở lại trong tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 25/10/2024

Lãi suất LNH bất ngờ giảm mạnh trên mọi kỳ hạn



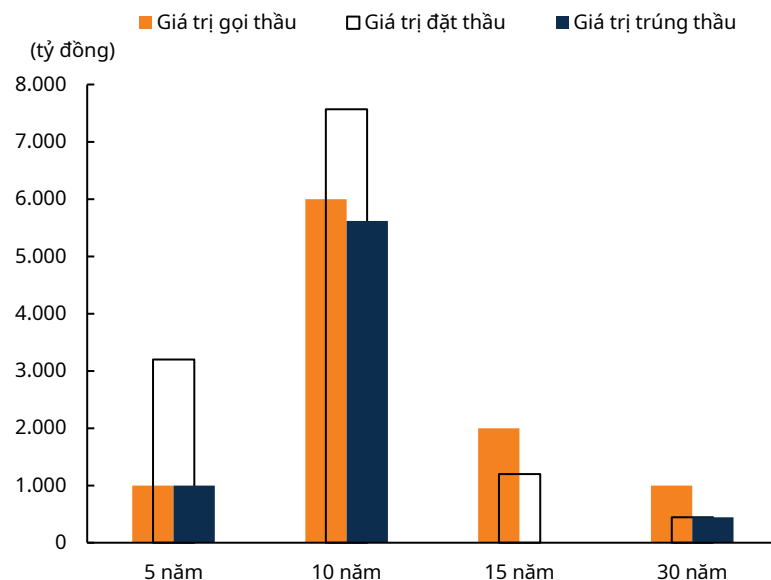
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 25/10/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

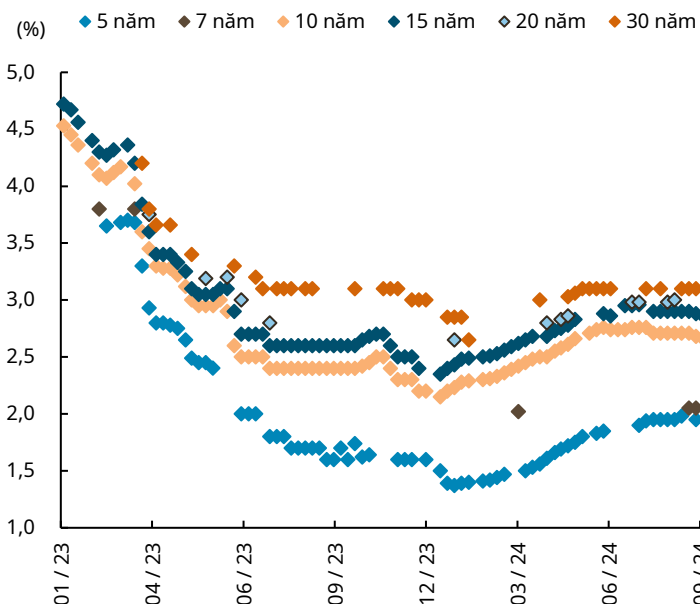
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 23/10, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 7.065 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 70,6% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) duy trì tại 1,24x. Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (1.000 tỷ đồng), 10 năm (5.620 tỷ đồng), 30 năm (445 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu không thay đổi so với phiên trước đó. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (1,89%), 10 năm (2,66%), 30 năm (3,1%).
 - Tính đến ngày 23/10, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 297,7 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt gần 74,4% kế hoạch của năm 2024.
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng nhẹ đối với các kỳ hạn kéo dài từ 5 năm đến 20 năm.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,846%); 2 năm (1,858%); 5 năm (1,908%, +1 bps); 7 năm (2,197%, +4,3 bps); 10 năm (2,697%, +2,7 bps); 15 năm (2,894%, +3,4 bps); 20 năm (2,992%, +0,9 bps); 30 năm (3,163%, -0,2 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



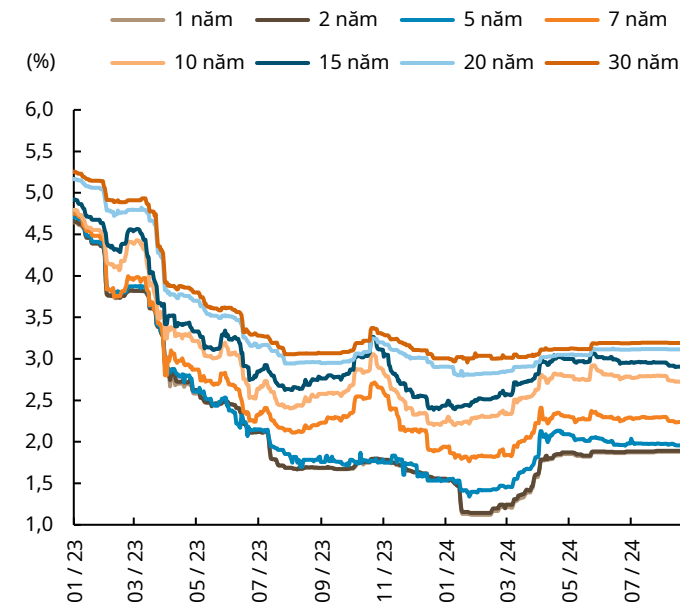
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 23/10/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 23/10/2024

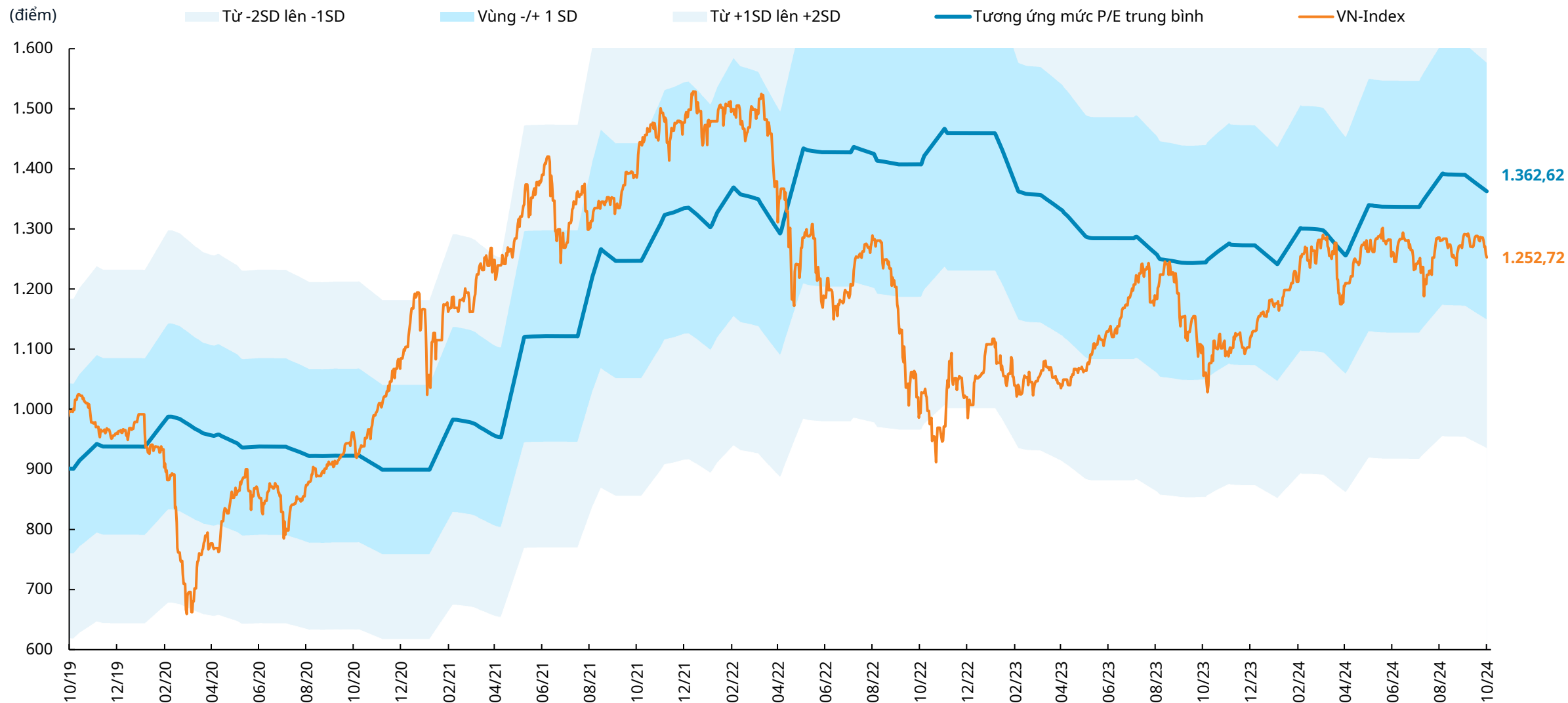
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/10/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất

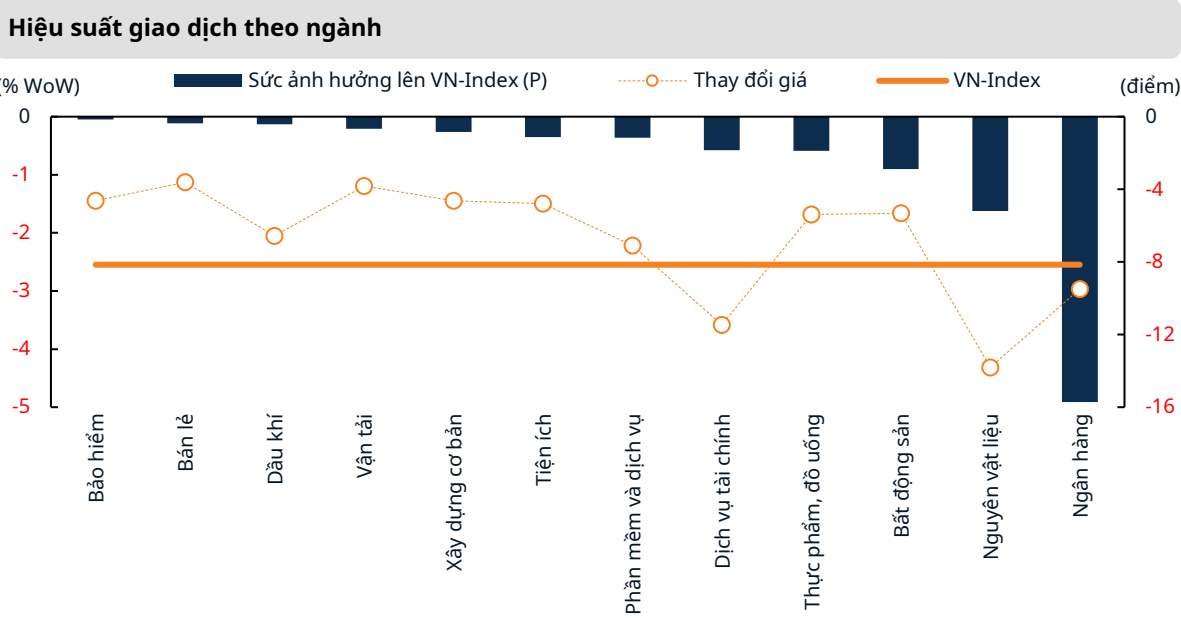


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 25/10/2024

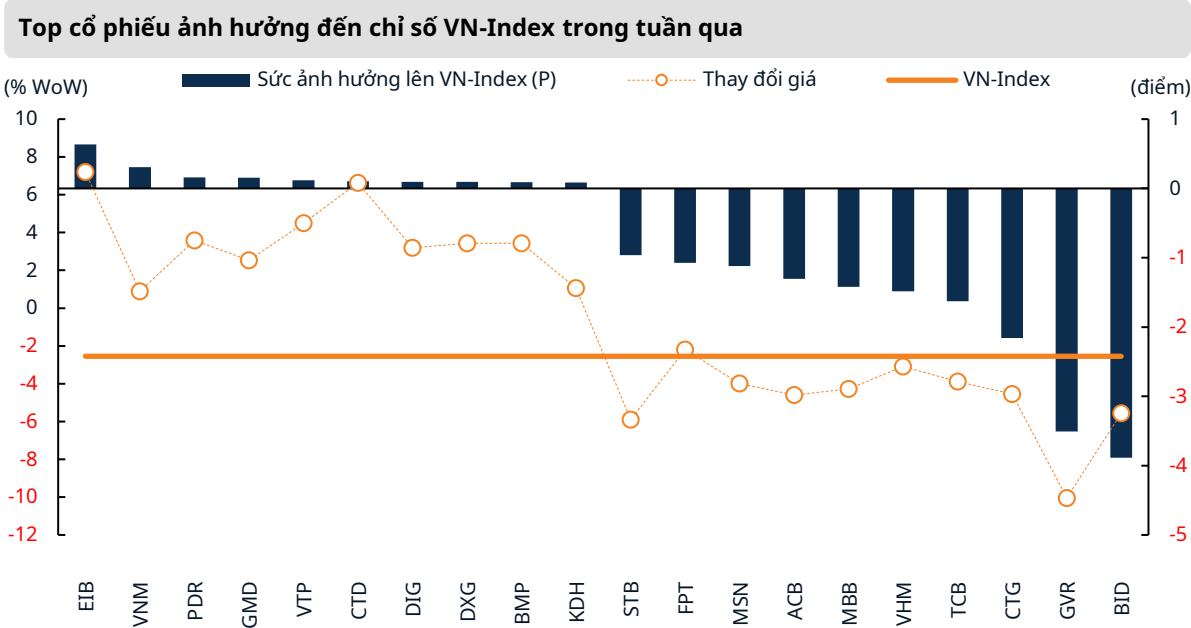
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Sắc đỏ lan rộng

- VN-Index ghi nhận tuần giảm điểm lớn nhất kể từ T6/2024 khi đánh rơi hơn 32 điểm và đóng cửa tại 1.252,72 (-2,55% WoW); trong đó, lực bán tiếp tục lan rộng và ảnh hưởng đến hơn 2/3 số cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE.
- Phần lớn áp lực giảm điểm được hình thành trong hai ngày giao dịch 24/10 và 25/10 khi áp lực chốt lời đã hình thành tại một số cổ phiếu Ngân hàng cùng với một số cổ phiếu vốn hóa lớn khác. Trong đó, ngoài trừ một số cổ phiếu như VCB, EIB, LPB và HDB thì phần lớn các cổ phiếu còn lại thuộc ngành Ngân hàng đều giảm từ 2% đến 6% WoW; đặc biệt là trường hợp của STB và BID khi kết thúc tuần giao dịch với mức giảm lần lượt 7,5% WoW và 5,5% so với mức đỉnh của tuần trước. Ngoài ra, một số cổ phiếu vốn hóa lớn như VHM ghi nhận mức giảm gần 10% kể từ đỉnh cũng khiến tâm lý giao dịch trở nên hoang mang và dần lan tỏa đến các nhóm ngành khác.
- Cập nhật kết quả kinh doanh quý III/2024:
 - Tính đến ngày 26/10, đã có 642 doanh nghiệp niêm yết (đại diện gần 32% vốn hóa toàn thị trường) công bố kết quả kinh doanh quý III. Trong đó, tổng lợi nhuận sau thuế của 642 công ty tăng 17,8% YoY và 7,8% QoQ chủ yếu do kết quả kém khả quan ở nhóm Tài chính khi so sánh với Q2/2024.
 - Đối với riêng VN-Index, đã có khoảng 160 doanh nghiệp niêm yết sàn HOSE công bố KQKD quý III với tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích thiểu số đạt khoảng 23,2 nghìn tỷ đồng (+24,4% YoY và -3,23% QoQ), đại diện cho khoảng 23% tổng vốn hóa toàn thị trường.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 25/10/2024

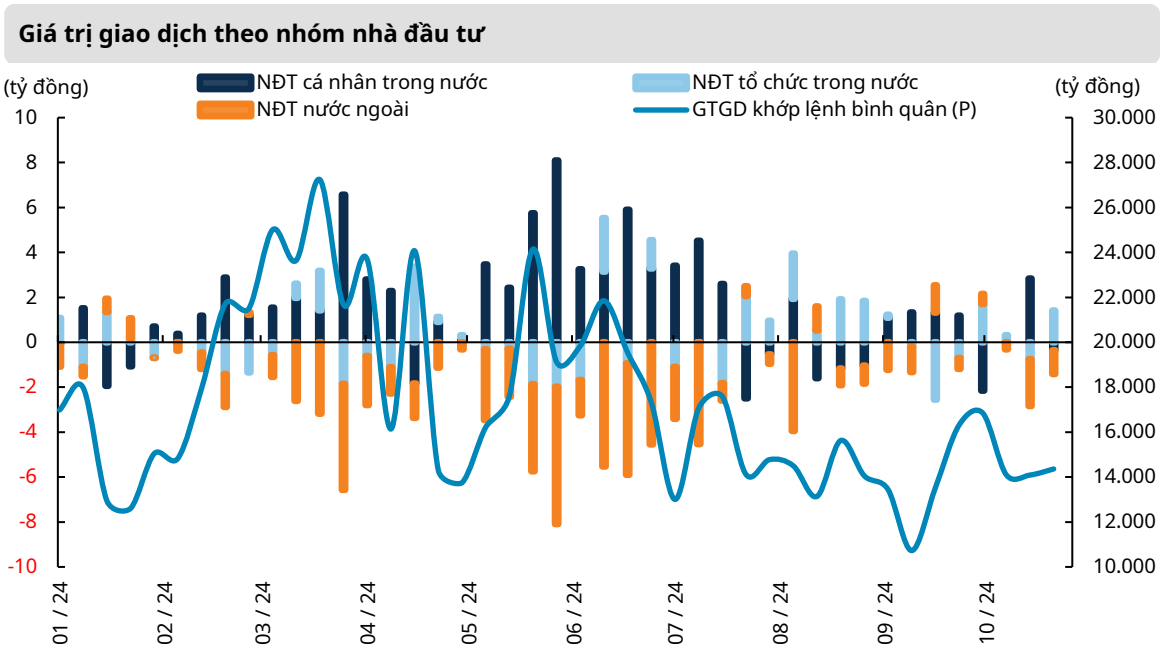


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 25/10/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tâm lý thận trọng bao phủ thị trường

- Sau gần như 5 phiên giảm điểm liên tiếp, tâm lý giao dịch càng trở nên thận trọng với giá trị giao dịch khớp lệnh vào ngày 25/10 chỉ đạt hơn 12,4 nghìn tỷ đồng dù bình quân 5 phiên vẫn ghi nhận mức tăng nhẹ 2% WoW và đạt 14,4 nghìn tỷ đồng do phiên khớp lệnh đột biến hơn 17 nghìn tỷ vào ngày 22/10.
- Dù vậy, nhóm Bất động sản ghi nhận mức tăng gần 50% về giá trị khớp lệnh bình quân trong bối cảnh Vinhomes bắt đầu mua vào cổ phiếu quỹ theo kế hoạch kể từ ngày 23/10 (tổng khối lượng khớp lệnh của VHM tăng 140% WoW trong tuần qua).
- Điểm sáng của tuần xoay quanh động thái mua ròng 1,41 nghìn tỷ của nhóm nhà đầu tư (NĐT) tổ chức trong nước. Trong đó, Tự doanh tiếp tục giải ngân thêm gần 680 tỷ đồng trong tuần qua; lực mua phần lớn tập trung tại FUEVFNVD (184 tỷ), VNM (111 tỷ), STB (91 tỷ), MBB (80,7 tỷ).
- Nhóm NĐT cá nhân trong nước bán ròng 0,36 nghìn tỷ đồng (YTD: +66,77 nghìn tỷ đồng).
- Khối ngoại bán ròng 1,05 nghìn tỷ đồng (YTD: -68,62 nghìn tỷ đồng), kéo dài chuỗi bán ròng 3 tuần liên tiếp. **Cụ thể, nhóm này bán mạnh đối với HPG (-302 tỷ), FUEVFNVD (-211 tỷ), MSN (-188 tỷ), STB (-160 tỷ) trong khi mua vào đối với VPB (+350 tỷ), MWG (+212 tỷ), TCB (+156 tỷ) và VNM (+134 tỷ).**
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF rút ròng khoảng 398 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm tăng lên 18,73 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 25/10.** Phần lớn lượng rút ròng được ghi nhận tại Xtrackers FTSE Vietnam (-224 tỷ), Fubon FTSE Vietnam (-103 tỷ), SSIAM VNFIN LEAD (-110 tỷ); có phần áp đảo so với lượng giải ngân đến từ một số các ETF khác như DCVFMVN Diamond (+33 tỷ đồng) và DCVFMVN30 (+7 tỷ đồng).



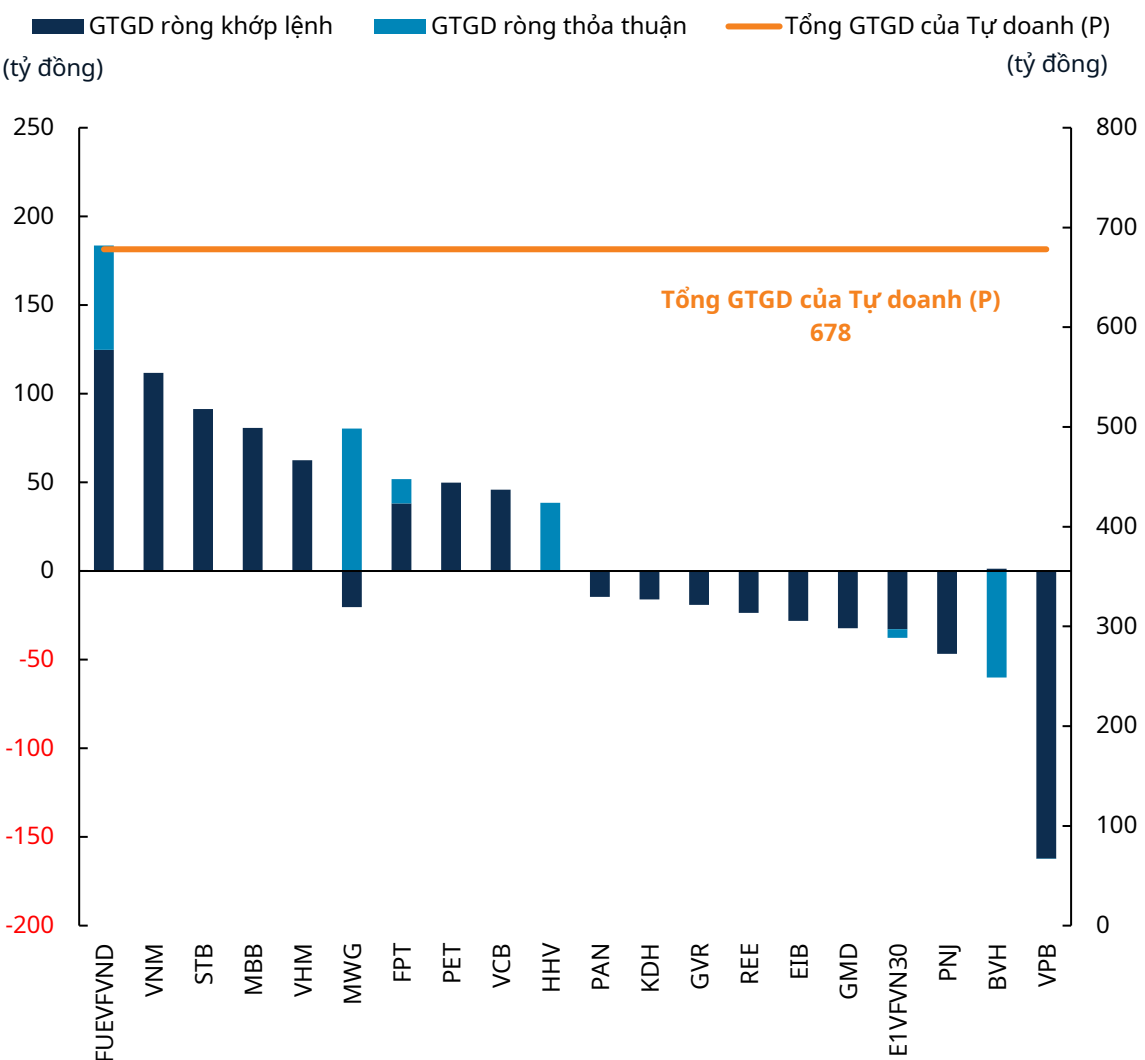
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 25/10/2024

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	4/10/2024	11/10/2024	18/10/2024	25/10/2024	
VN-Index				62%	2%
Bất động sản				92%	47%
Ngân hàng				62%	-6%
Thực phẩm, đồ uống				54%	-6%
Vận tải				31%	-13%
Phần mềm và dịch vụ				31%	-2%
Dịch vụ tài chính				23%	-1%
Xây dựng cơ bản				23%	-12%
May mặc và trang sức				23%	4%
Bán lẻ				15%	-28%
Dầu khí				8%	-39%
Bảo hiểm				8%	-37%
Nguyên vật liệu				8%	-7%
Tiện ích				8%	-3%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

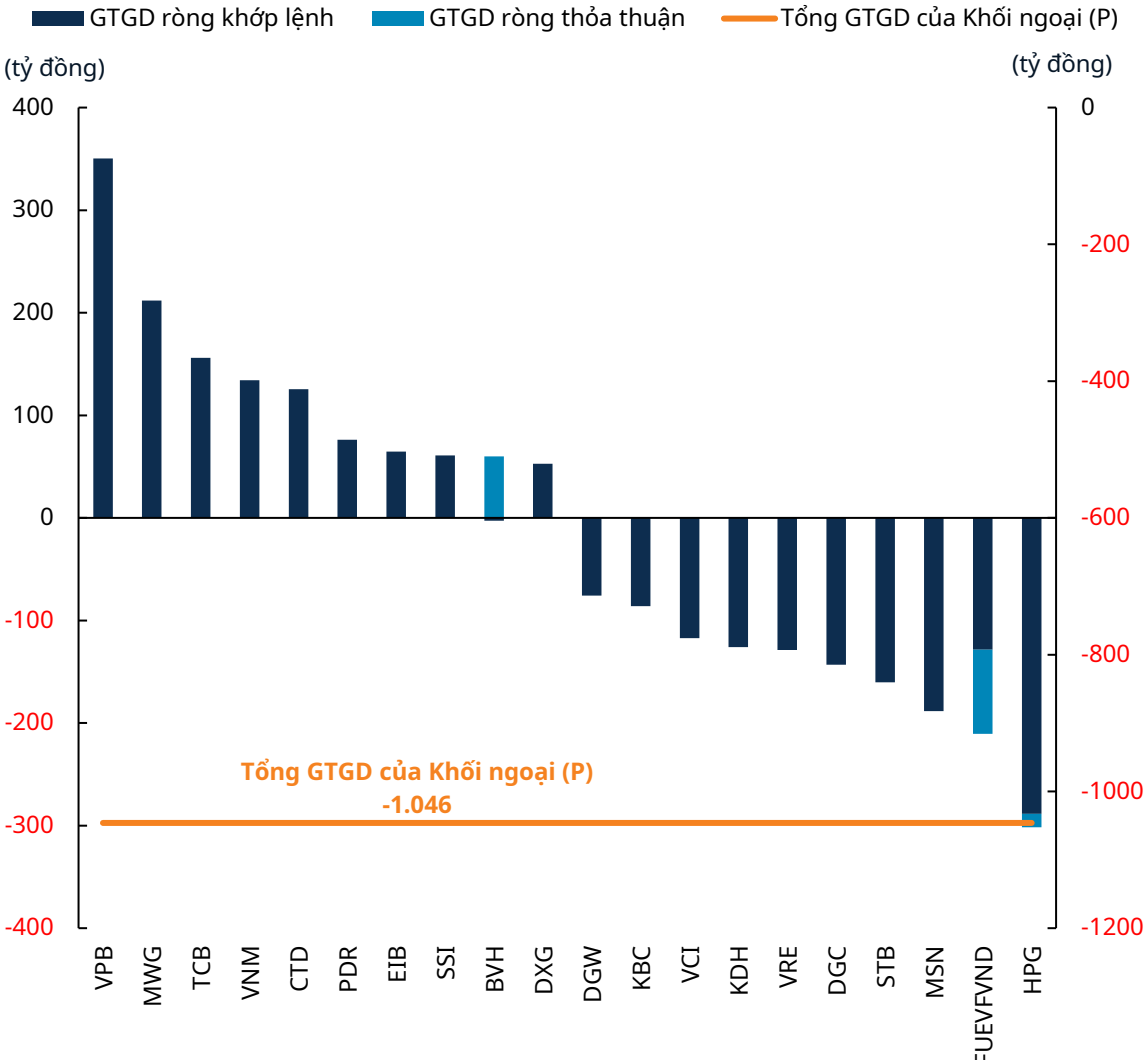
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 25/10/2024

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



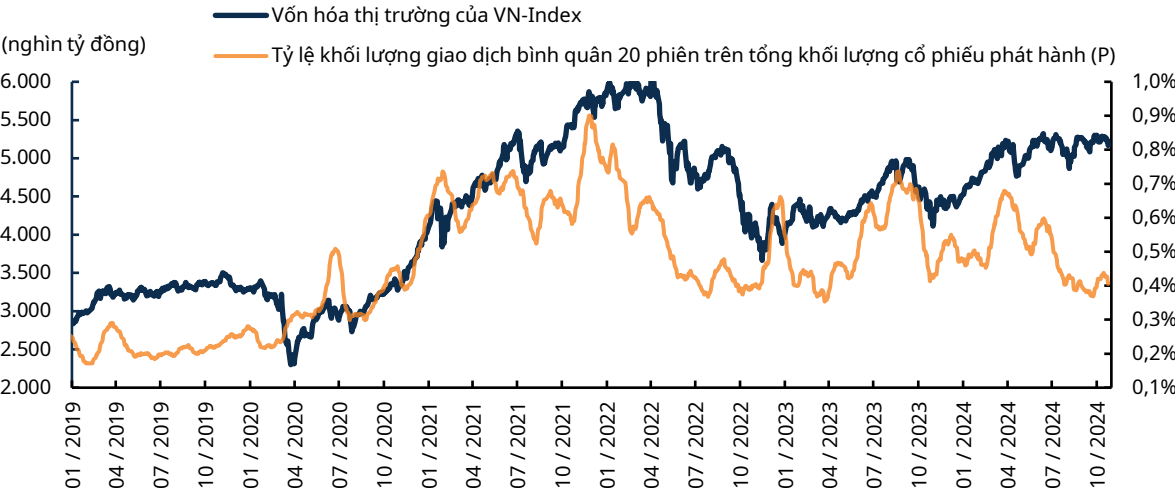
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 25/10/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tương quan giữa dư nợ cho vay ký quỹ và thanh khoản đối với nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước

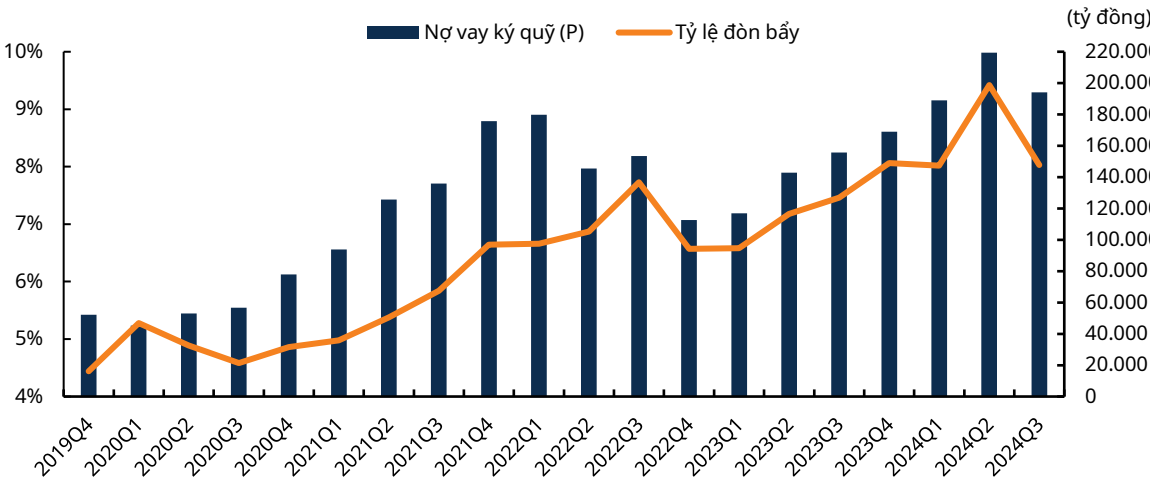
- Tính đến ngày 30/09, đã có gần 1,6 triệu tài khoản chứng khoán mở mới bởi nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước (+70% YoY). Tuy nhiên, hoạt động giao dịch chung vẫn chưa có sự khởi sắc đáng kể khi thanh khoản đã liên tục giảm sút sau khi đạt đỉnh vào tháng 3 với giá trị khớp lệnh bình quân đạt khoảng 24,4 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Trong cùng thời kỳ, VN-Index đã có ít nhất 6 lần nỗ lực vùng cân tâm lý 1.300 điểm song đều thất bại.
- Dù vậy, dư nợ cho vay ký quỹ trong 9T2024 vẫn có sự tăng trưởng nhất định với tổng dư nợ lần đầu tiên vượt mốc hơn 200 nghìn tỷ đồng vào Q2/2024. Trên thực tế, chúng tôi cho rằng phần lớn dư nợ cho vay ở thời điểm hiện tại được cô đọng phần lớn tại nhóm nhà đầu tư tổ chức hoặc doanh nghiệp tìm đến các công ty chứng khoán để thực hiện các thương vụ cho vay với tài sản thế chấp bằng cổ phiếu trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn thông qua kênh trái phiếu doanh nghiệp (73% lượng TPDN phát hành trong 10T2024 đến từ các Ngân hàng Thương mại) hoặc đáp ứng các điều kiện cho vay của ngân hàng để xoay sở nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn.
- Vì thế, rủi ro về các đợt “call margin” chéo giữa các mã cổ phiếu được một lượng lớn NĐT cá nhân trong nước nắm giữ, tuy chưa được xem là rủi ro lớn nhất đối với diễn biến giao dịch ở thời điểm hiện tại nhưng rủi ro trong hoạt động “shadow banking” với các thương vụ cho vay thế chấp bằng cổ phiếu sẽ là yếu tố cần phải theo dõi khi diễn biến giao dịch của VN-Index đang dần có những vết nứt gây gục dòng tiền khi tâm lý giao dịch chung không được cải thiện, dẫn đến thiếu đi lực cầu cần thiết nếu áp lực dần trở nên lớn dần và lan rộng đến nhiều nhóm ngành.
- Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:
 - Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ duy trì ổn định tại vùng hỗ trợ 1.250 điểm sau khi lực bán đã dần có dấu hiệu chậm lại vào phiên ngày 25/10. Tuy nhiên, thận trọng sẽ là điều cần phải lưu ý trong ít nhất từ 2 đến 3 phiên giao dịch tiếp theo khi áp lực bán tăng đột ngột có thể khiến VN-Index tiếp tục giảm và kiểm định vùng hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 điểm.

Diễn biến đi ngang của VN-Index trong thời gian qua khiến nhà đầu tư trở nên chán nản



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 25/10/2024.

Dư nợ cho vay ký quỹ duy trì ở mức cao trong 9T2024



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 30/09/2024. Tỷ lệ đòn bẩy là Tỷ lệ nợ vay ký quỹ / Tổng giá trị vốn hóa theo freefloat trên HOSE và HNX.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.172.693	1.252,72	1.305,02	1.037,46	-0,37	-2,55	-2,70	13,7	15,5	1,7	12,0	16,99	23,95
VN30 Index		3.640.195	1.325,54	1.372,66	1.050,32	-0,31	-2,73	-1,38	19,1	12,3	1,7	14,6	20,40	15,08
VN70 Index		998.514	1.870,11	2.031,02	1.490,69	-0,33	-1,61	-3,17	17,9	16,7	1,6	10,0	14,26	34,72
VNFinLead Index		2.202.581	2.096,69	2.188,53	1.702,58	-0,28	-3,17	-0,54	17,3	8,8	1,3	15,2	19,40	11,16
Ngân hàng	VCB	513.079	91.800	98.200	80.300	0,11	-0,65	-1,08	6,99	15,4	2,8	20,0	23,3	6,7
	BID	270.771	47.500	56.700	35.673	-1,04	-5,57	-5,00	31,36	11,9	2,1	19,1	17,1	12,9
	CTG	185.802	34.600	37.550	24.834	-0,72	-4,55	-3,89	33,32	9,2	1,4	16,0	26,5	3,5
	TCB	165.558	23.500	25.000	14.550	-0,63	-3,89	-1,26	50,64	7,3	1,2	16,8	21,9	0,6
	VPB	159.472	20.100	20.950	17.800	0,50	-2,19	3,34	-4,29	13,3	1,2	9,8	24,7	5,3
	MBB	130.801	24.650	26.200	17.150	-0,20	-4,27	-4,27	38,48	6,1	1,3	23,4	23,2	0,0
	ACB	111.220	24.900	26.500	18.435	-0,40	-4,60	-4,96	30,75	6,8	1,4	22,3	30,0	0,0
	LPB	82.099	32.100	33.500	14.400	0,94	-0,77	0,94	116,16	8,5	2,0	28,8	0,6	4,4
	HDB	78.348	26.900	28.600	16.850	0,00	-0,37	-1,28	53,71	6,5	1,5	27,0	18,2	1,9
	STB	63.060	33.450	36.450	26.150	0,15	-5,91	2,29	13,20	7,7	1,3	18,0	23,8	6,2
	VIB	54.369	18.250	21.368	14.957	-1,35	-6,41	-6,17	16,68	7,1	1,4	21,4	15,4	-10,4
	SSB	47.203	16.650	22.888	15.200	0,00	-0,30	0,00	-26,97	10,2	1,4	15,2	0,1	4,9
	TPB	45.045	17.050	18.100	13.250	0,00	-4,21	9,29	22,15	9,5	1,3	14,2	30,0	0,0
	EIB	38.838	20.850	21.600	15.187	-2,57	7,20	19,48	23,26	17,5	1,7	9,9	2,7	27,3
	SHB	38.089	10.400	12.450	10.050	-1,42	-4,15	-1,42	-1,42	4,7	0,7	15,4	3,0	27,1
	MSB	31.850	12.250	13.200	9.308	-0,81	-6,13	2,51	22,03	6,7	0,9	14,9	28,9	1,1
	OCB	28.110	11.400	13.333	10.167	-0,87	-7,69	-2,15	6,87	9,6	0,9	10,2	20,2	1,8
Dịch vụ tài chính	SSI	52.387	26.700	31.461	22.771	-0,37	-2,38	-2,73	7,74	17,5	2,0	12,2	42,6	57,4
	VND	21.769	14.300	21.653	14.250	0,00	-3,70	-4,98	-17,16	8,7	1,1	13,0	12,2	87,8
	HCM	20.375	28.300	31.300	18.339	0,35	-7,06	-9,29	41,95	19,8	2,0	10,9	46,4	2,6
	VCI	19.819	34.500	42.308	26.154	0,00	-4,43	-3,09	23,05	24,1	2,3	10,2	19,3	80,7
	VIX	16.189	11.100	14.131	8.598	-1,33	-2,63	-7,50	13,67	16,9	1,0	6,0	4,8	95,2
	FTS	12.497	40.850	48.000	25.000	0,62	-6,52	-10,61	44,42	27,4	3,2	11,9	30,4	69,6
	SHS	11.547	14.200	20.900	14.000	0,71	-7,19	-8,97	-12,35	12,0	1,0	9,1	6,7	42,3
	EVF	8.214	10.800	18.056	10.231	-0,92	2,86	-4,78	2,32	17,5	0,9	7,0	0,7	14,3
Bảo hiểm	BVH	32.180	43.350	47.400	38.200	-0,23	-1,48	0,00	6,12	17,2	1,4	8,6	26,5	22,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 25/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	169.181	26.450	29.950	20.773	0,00	-1,86	0,95	20,98	15,1	1,6	10,8	22,2	26,8
	GVR	129.000	32.250	38.200	18.200	-1,98	-10,04	-10,42	57,32	45,9	2,5	5,6	0,5	12,5
	DGC	41.434	109.100	134.000	81.100	-1,27	-4,30	-5,54	22,17	14,9	3,0	21,4	18,1	30,9
	DCM	19.376	36.600	40.050	27.550	0,00	-0,95	-6,51	22,20	14,0	2,0	14,3	7,4	41,6
	DPM	13.325	34.050	39.950	30.550	0,00	-1,02	-5,68	1,04	20,4	1,1	5,4	8,0	41,0
	HSG	12.606	20.300	25.600	16.250	-0,98	-1,46	-1,93	14,04	11,0	1,1	10,6	11,1	37,9
	PHR	7.493	55.300	65.900	43.600	-0,90	-4,49	-7,83	14,26	18,4	2,0	11,4	18,2	30,8
	NKG	5.384	20.450	27.150	17.150	0,00	-2,15	-5,76	9,95	13,1	0,9	7,4	9,3	40,8
	AAA	3.406	8.910	12.350	7.900	-1,33	-4,40	-11,34	1,83	7,3	0,6	8,3	2,1	97,9
	DHC	2.773	34.450	46.100	34.000	1,03	-5,23	-7,64	-18,07	11,4	1,5	13,0	39,1	10,9
Bất động sản	VHM	190.939	43.850	46.000	34.600	0,00	-3,09	-0,68	-2,34	8,1	1,0	13,1	13,8	36,2
	VIC	158.873	41.550	48.700	38.700	-1,19	-0,60	-2,46	-7,05	42,0	1,2	3,0	10,2	37,8
	BCM	67.896	65.600	74.000	50.700	-0,30	-2,81	-9,52	4,79	27,2	3,6	14,8	2,0	32,0
	VRE	41.243	18.150	27.200	17.350	0,00	-3,20	-4,97	-31,38	9,2	1,0	11,9	21,6	27,5
	KDH	33.161	33.150	35.909	26.364	-1,49	1,07	-6,98	20,55	51,3	2,1	4,4	37,8	12,2
	NVL	19.891	10.200	18.700	10.100	0,49	-1,45	-10,53	-26,35	N/A	0,6	-16,7	4,7	44,3
	KBC	19.881	25.900	35.900	24.600	0,39	-6,50	-7,66	-15,50	75,0	1,1	1,5	20,2	28,8
	PDR	18.903	21.650	29.724	16.950	1,41	3,59	-6,48	-1,38	39,5	1,7	4,5	6,8	43,2
	VPI	16.640	57.300	58.800	43.750	0,88	-1,72	-2,05	28,04	90,9	4,3	4,9	1,6	47,4
	NLG	14.910	38.750	45.850	31.850	-0,39	-0,39	-8,61	12,97	51,8	1,6	3,2	49,7	0,3
	SIP	14.758	70.100	86.000	44.261	-1,96	-4,23	-5,14	51,82	14,5	3,7	28,2	2,5	46,5
	DXG	11.964	16.600	20.300	12.550	2,15	3,43	2,15	2,22	65,0	1,1	1,7	18,4	31,6
	KOS	8.324	38.450	40.300	36.250	-0,13	0,13	2,53	-1,28	350,8	3,6	1,0	0,2	48,8
	CEO	8.322	15.400	23.810	13.500	1,99	1,99	-4,35	-19,95	51,5	1,4	3,5	4,9	44,1
	SJS	7.460	65.500	77.000	55.500	0,46	-0,46	-2,96	11,02	33,3	2,6	8,2	0,7	49,3
	SZC	6.902	38.350	45.000	27.749	0,92	-1,67	1,59	22,93	23,8	2,3	11,6	3,1	16,9
	HHV	5.014	11.600	15.429	10.400	-0,43	-2,52	-5,31	-13,30	12,8	0,6	4,5	8,0	41,0
	HDC	4.851	27.200	29.217	23.130	0,55	5,43	2,45	8,05	35,4	2,2	6,4	2,9	46,1
	ASM	3.254	8.790	12.136	7.355	0,34	-3,51	-5,18	6,25	16,9	0,6	3,6	12,4	36,6
	AGG	2.454	15.100	22.480	15.050	-0,66	-0,66	-11,18	-31,61	7,4	0,8	11,6	0,9	49,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 25/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	REE	29.674	63.000	72.000	46.087	-0,79	-2,78	-6,67	22,80	16,6	1,7	10,5	49,0	0,0
	VGC	18.158	40.500	60.900	39.650	0,00	-5,26	-8,37	-19,96	30,9	2,2	7,1	3,7	45,3
	GEX	17.575	20.450	25.300	18.700	-0,24	-0,24	-4,22	-1,92	16,4	1,3	8,3	7,5	42,5
	IDC	17.457	52.900	64.300	43.100	0,19	-5,37	-10,19	5,80	9,5	3,7	38,0	24,0	25,0
	HUT	14.548	16.300	21.300	16.000	0,62	0,00	-1,81	-22,75	211,5	1,7	1,0	1,6	48,4
	CTR	14.481	126.600	162.000	72.600	0,00	-4,09	-4,45	66,80	27,6	7,7	29,6	9,5	39,5
	DIG	12.837	21.050	33.950	19.800	1,94	3,19	-8,68	0,24	336,8	1,7	0,5	4,8	44,2
	BMP	10.871	132.800	133.100	80.400	-0,15	3,43	7,53	53,17	10,7	3,7	34,4	83,8	16,2
	VCG	10.595	17.700	23.482	17.250	-1,39	-2,75	-6,10	-13,05	13,1	1,4	11,3	7,3	41,7
	TCH	10.424	15.600	21.650	10.550	-0,95	-3,70	-12,36	28,93	13,4	1,2	8,8	6,1	44,9
	HDG	8.946	26.600	32.000	22.591	-0,19	-3,27	-9,06	10,83	14,6	1,5	10,5	14,6	35,5
	PC1	8.304	26.700	31.950	22.174	-0,37	-3,09	-9,34	10,45	24,4	1,6	6,6	13,4	36,7
	CTD	6.755	67.600	78.100	51.300	2,42	6,62	5,30	22,91	22,0	0,8	3,7	46,5	2,5
	BCG	5.449	6.190	8.955	6.140	-0,48	0,81	-5,78	-16,76	60,7	0,6	0,9	1,2	48,9
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	142.117	68.000	75.600	63.300	-0,58	0,89	-2,30	-1,45	16,4	4,1	25,6	51,7	48,3
	MSN	111.041	77.200	81.400	57.200	-1,66	-3,98	2,25	16,97	85,5	3,8	4,8	28,8	20,2
	SAB	71.182	55.500	69.400	52.000	-0,72	-3,31	-3,31	-19,80	16,9	3,0	17,6	60,8	39,2
	VHC	15.891	70.800	80.000	55.750	-0,42	-3,28	-2,34	16,38	17,4	1,8	10,4	29,1	70,9
	KDC	14.838	51.200	62.624	50.100	-0,58	1,79	0,99	-12,58	N/A	2,2	-6,1	20,5	29,5
	HAG	10.733	10.150	15.050	8.150	-3,79	-4,25	-4,69	15,47	5,6	1,3	25,8	2,3	46,7
	SBT	9.293	12.550	14.550	10.700	0,40	1,21	-6,69	-11,62	15,5	0,9	6,4	22,0	78,1
	DBC	9.270	27.700	32.304	16.518	-1,07	-6,10	-6,89	47,70	13,3	1,4	9,6	11,3	37,8
	PAN	4.930	23.600	25.700	16.950	0,43	-3,67	-2,07	23,24	8,7	1,0	11,9	18,8	30,2
Tiện ích	GAS	166.096	70.900	83.725	70.900	-0,14	-1,12	-3,93	-10,05	14,7	2,4	16,1	1,8	47,2
	POW	27.868	11.900	15.300	10.450	-1,65	-4,80	-8,81	6,25	26,6	0,9	3,3	3,7	45,3
	BWE	9.831	44.700	47.500	35.088	1,25	-1,11	-4,39	13,24	18,5	2,0	11,2	12,5	36,5
	NT2	5.484	19.050	26.500	18.900	-1,04	-1,80	-4,51	-18,76	24,9	1,3	5,3	13,2	35,8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 25/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Dầu khí	PLX	52.793	41.550	51.700	32.200	-0,48	-1,89	-8,48	17,54	14,5	2,1	14,7	17,7	2,3
	PVS	18.067	37.800	47.300	34.300	-1,05	-3,08	-9,13	0,00	16,7	1,4	8,4	21,6	27,4
	PVD	14.258	25.650	34.300	24.850	-0,97	-2,29	-7,07	-5,00	26,3	0,9	4,4	13,1	35,9
	PVT	9.719	27.300	32.000	21.227	-0,18	-2,33	-3,02	9,20	10,1	1,4	14,8	13,2	35,8
May mặc và trang sức	PNJ	31.797	94.100	109.600	72.600	0,11	-0,84	-5,52	26,65	15,6	3,0	20,2	49,0	0,0
	PTB	3.949	59.000	76.500	53.900	0,34	-3,75	-4,84	3,15	12,1	1,4	11,9	24,3	0,7
Bán lẻ	MWG	95.755	65.500	70.200	37.000	0,15	-0,30	-4,66	50,57	43,5	3,7	8,9	46,8	2,2
	FRT	22.957	168.500	188.000	90.000	-1,35	-4,96	-5,66	77,37	N/A	13,8	-3,3	37,4	11,6
	DGW	9.241	42.550	53.769	35.269	-0,82	-6,38	-11,90	2,44	24,6	3,3	14,1	24,7	24,3
Phần mềm và dịch vụ	FPT	197.123	134.000	142.800	75.043	-0,22	-2,19	-0,59	69,53	26,1	6,6	28,1	46,3	2,7
	CMG	9.653	50.700	74.600	34.865	0,20	-2,69	-1,55	37,30	28,7	3,5	12,8	43,0	7,0
Vận tải	VJC	56.436	104.200	119.400	97.200	0,00	-2,16	-0,38	1,36	60,9	3,4	5,9	13,5	16,5
	GMD	25.957	62.700	73.671	49.738	-0,16	2,53	-6,81	19,32	18,8	2,4	13,3	48,4	0,6
	SCS	7.117	75.000	95.000	63.000	-2,98	-1,83	-6,02	11,28	10,9	4,8	46,3	22,4	7,6
	CII	4.909	15.400	19.800	14.100	0,98	-2,22	-0,65	-2,53	13,0	0,8	6,0	5,9	34,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 25/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336